

ISSN 1859-1914



tạp chí

KẾ TOÁN

HỘI KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM

VIETNAM ASSOCIATION OF ACCOUNTANTS AND AUDITORS (VAAA)



**Triển khai quyết liệt
các nhiệm vụ tài chính**

Giải pháp tăng cường

CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNH NGHỀ KẾ TOÁN

▣ **Phạm Công Tham***

Năm 2008, Ban quản lý hành nghề kế toán (HNKT) đã xét duyệt và thông báo công khai 18 doanh nghiệp (DN) và 01 cá nhân đủ điều kiện HNKT với tổng số 46 kế toán viên; đã tổ chức 2 khóa học cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề và tiến hành kiểm tra chất lượng dịch vụ kế toán tại 05 công ty. VAA đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về đăng ký và quản lý HNKT.

Đến tháng 6/2009, đã có thêm 7 công ty được VAA chấp thuận đủ điều kiện đăng ký HNKT, đưa tổng số DN được VAA công bố đủ điều kiện đăng ký HNKT lên 25 DN và 1 cá nhân, với tổng số 59 kế toán viên (chưa kể số kiểm toán viên đã đăng ký HNKT tại VACPA). Để đạt được những kết quả trên đây, có sự cố gắng nỗ lực rất lớn của VAA và Ban quản lý HNKT. Tuy nhiên, kết quả trên còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đòi hỏi.

Trước hết, nhiều DN, cơ quan có nhu cầu thuê dịch vụ kế toán chưa tuân thủ quy định của Bộ Tài chính tại điểm 1.6, Thông tư 72/2007/TT-BTC: “các DN, tổ chức, cơ quan có nhu cầu về dịch vụ kế toán như làm kế toán, kế toán trưởng, thiết lập hệ thống kế toán... chỉ được ký hợp đồng dịch

vụ kế toán với các DN dịch vụ kế toán, kiểm toán và cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán đã đăng ký hành nghề và được hội nghề nghiệp xác nhận”. Họ vẫn thuê dịch vụ từ những cá nhân, DN chưa đủ điều kiện cung cấp dịch vụ. Ngay cả các cơ quan nhà nước có liên quan như Thuế, Tài chính, UBCKNN, các bộ, ngành, cơ quan đăng ký kinh doanh cũng chưa có thực hiện quy định của Bộ Tài chính. Tại điểm 4.d, Thông tư 72/2007/TT-BTC ngày 27/6/2007 cũng ghi rõ: “các cơ quan Thuế, cơ quan Tài chính, UBCKNN, các bộ, ngành, cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ không chấp nhận báo cáo tài chính đã được lập bởi các cá nhân hoặc DN dịch vụ kế toán không được Hội nghề nghiệp xác nhận...”.

Hai là, hiện nay, cả nước có trên bốn trăm ngàn DN, trong đó, tỷ trọng DN nhỏ chiếm tới trên 90%. Hàng chục ngàn DN và đơn vị HCSN có nhu cầu về dịch vụ kế toán. Tuy nhiên, với lực lượng kế toán viên và kiểm toán viên có chứng chỉ HNKT và kiểm toán hiện có (kể cả số đã đăng ký và chưa đăng ký hành nghề) thì khó có thể đáp ứng được các quy định của Bộ Tài chính và yêu cầu của các DN và đơn vị HCSN. Việc tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng, ôn và thi lấy chứng chỉ kế toán viên hành

nghề hàng năm được tổ chức quá ít (1 năm 1 lần), quá trình chấm thi và công bố kết quả chưa kịp thời, chưa đáp ứng được yêu cầu bức xúc của học viên.

Ba là, các cấp, các ngành chưa nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò của kế toán và công tác quản lý HNKT trong nền kinh tế thị trường hội nhập, do đó chưa có sự quan tâm, chỉ đạo đúng mức.

Giải pháp tăng cường công tác quản lý HNKT

Thứ nhất, Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công tác kế toán và quản lý HNKT trong nền kinh tế thị trường.

Thứ hai, Người HNKT phải độc lập về chuyên môn nghiệp vụ. Trong nền kinh tế thị trường hội nhập, các chuẩn mực kế toán và HNKT cũng phải từng bước hội nhập, tiến đến thừa nhận lẫn nhau giữa các quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư thống nhất “ngôn ngữ” để nhìn nhận “sức khỏe” của đối tượng mà các nhà đầu tư quan tâm. Do vậy, các cấp, các ngành và các DN phải nhận thức đúng về tầm quan trọng của công cụ quản lý này và công tác quản lý HNKT để có chủ trương và biện pháp chỉ đạo phù hợp.

Thứ ba, các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố phải tăng cường tuyên truyền, phổ biến và

* Trưởng ban Quản lý hành nghề kế toán - VAA

đòi hỏi các DN, tổ chức, cơ quan phải chấp hành Luật Kế toán và quyết định của Bộ Tài chính về quản lý HNKT.

Thứ tư, các bộ, UBND tỉnh, thành phố, Tổng cục Thuế và UBCKNN phải hướng dẫn lộ trình để các DN, tổ chức, cơ quan phấn đấu thực hiện quy định của Bộ Tài chính (ví dụ có thể đưa ra yêu cầu đối với báo cáo tài chính của các DN niêm yết, các đơn vị sự nghiệp chi ngân sách nhà nước lớn đến năm nào thì phải do kế toán viên hành nghề lập và ký...)

Thứ năm, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và thi cấp chứng chỉ cho kế toán viên hành nghề. Cần tổ chức các lớp ôn và thi nhiều lần trong 1 năm, công khai nội dung, chương trình thi tuyển và xét cấp giấy chứng nhận kế toán viên hành nghề, sao cho trong vòng 3-5 năm chúng ta có được đội ngũ kế toán viên hành

nghề hàng ngàn người, đáp ứng được phần lớn yêu cầu của các DN và đơn vị sự nghiệp.

Thứ sáu, tăng cường chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và của VAA đối với công tác quản lý HNKT. Phân cấp mạnh mẽ hơn cho VAA và VACPA trong việc tổ chức xây dựng nội dung chương trình học tập bồi dưỡng kiến thức và tổ chức thi tuyển, xét cấp chứng chỉ HNKT và kiểm toán.

Để VAA có điều kiện hoàn thành nhiệm vụ quản lý HNKT, Bộ Tài chính cần tập trung đầu mối đăng ký HNKT tại VAA (kể cả kiểm toán viên có nhu cầu HNKT) nhằm thống nhất quản lý lực lượng HNKT; Có văn bản chỉ đạo các bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố và các cơ quan của Bộ Tài chính (Thuế, UBCKNN) tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các cơ

quan, tổ chức, đơn vị có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ kế toán viên hành nghề cho mình, có lộ trình để các công ty niêm yết và đơn vị sự nghiệp lớn chấp hành quy định tại của Bộ Tài chính; Đảm bảo báo cáo tài chính của DN và đơn vị sự nghiệp được công bố thường xuyên với chất lượng cao hơn, tăng cường công tác quản lý hành nghề để trở thành chỗ dựa của các nhà đầu tư;

Hỗ trợ VAA các điều kiện vật chất cần thiết để thực hiện chức năng quản lý HNKT.

Quản lý một lĩnh vực hoạt động còn khá mới mẻ ở nước ta như hành nghề dịch vụ kế toán là một công việc không hề đơn giản, dễ dàng. Rất cần có sự phối hợp đồng bộ của các ngành, các cấp; sự ủng hộ tích cực của các Bộ, ngành với hội nghề nghiệp để làm tốt công tác quản lý HNKT. ■

(Tiếp theo trang 8)

ngày 03/3/2009 sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng sữa trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng sữa;

- Thông tư số 51/2009/TT-BTC ngày 17/3/2009 sửa đổi mã số và mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng than gáo dừa từ 10% xuống 5%;

- Thông tư số 52/2009/TT-BTC ngày 17/3/2009 về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng sắt thép trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi;

- Thông tư số 58/2009/TT-BTC ngày 25/3/2009 về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng sắt thép trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi,

theo đó, điều chỉnh tăng thuế suất thuế nhập khẩu phôi thép từ 5% lên 8%; sắt thép xây dựng từ 12% lên 15%, một số mặt hàng thép mạ từ 0% lên 1%, từ 3% lên 5% và từ 11% lên 13%;

- Điều chỉnh kịp thời thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xăng dầu, đảm bảo phù hợp với sự biến động giá dầu thị trường thế giới và giá bán trong nước (Thông tư số 15/2009/TT-BTC ngày 22/1/2009 điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu mặt hàng xăng từ 40% xuống 35%;

- Thông tư số 24/2009/TT-BTC ngày 5/2/2009 điều chỉnh thuế các mặt hàng xăng từ 35% xuống 25% và madut từ 40% xuống 35%;

- Thông tư số 30/2009/TT-BTC ngày 11/2/2009 điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu nhiên liệu bay từ 35% xuống 30%;

- Thông tư số 33/2009/TT-BTC ngày 19/2/2009 điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu các mặt hàng xăng từ 25% xuống 20%, nhiên liệu bay từ 30% xuống 25%;

- Thông tư số 73/2009/TT-BTC ngày 13/4/2009 điều chỉnh thuế nhập khẩu dầu hỏa từ 40% xuống 35%, dầu diesel từ 25% xuống 20%;

- Thông tư số 108/2009/TT-BTC ngày 29/5/2009 điều chỉnh thuế nhập khẩu madut từ 35% xuống 30%;

- Thông tư số 119/2009/TT-BTC ngày 10/6/2009 điều chỉnh thuế nhập khẩu madut từ 30% xuống 25%;

- Thông tư số 133/2009/TT-BTC ngày 30/6/2009 điều chỉnh thuế nhập khẩu mặt hàng dầu hỏa từ 35% xuống 30%. ■